TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST Ngày 24 tháng 3 năm 2023 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến, Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1993. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983. Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:***

Chị V kết hôn với anh Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 09/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đánh đập chị và có lời lẽ xúc phạm gia đình chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị V đã bỏ nhà đi làm công nhân, hiện hai người đã sống ly thân hơn 07 năm

nay. Nhận thấy giữa chị và anh H không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị V và anh H có 01 con chung là Trần Duy M, sinh ngày 05/10/2013, hiện đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị V đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn H, quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn anh Trần Văn H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị V, chị V được ly hôn với anh Trần Văn H.

+ Về con chung: Chị V và anh H có 01 con chung là Trần Duy M, sinh ngày 05/10/2013.Nhận thấy cháu M đang được anh H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000^{đ}/tháng cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị V có đơn khởi kiện ly hôn anh Trần Văn H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Bị đơn anh Trần Văn H trú tại thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị V và anh Trần Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 09/4/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, vợ chồng anh H, chị V đã phát sinh mâu thuẫn, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, chị V được ly hôn với anh H là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị V và anh H có 01 con chung là Trần Duy M, sinh ngày 05/10/2013. Khi ly hôn, chị V không có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung, đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy cháu M đang được anh H và gia đình trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên là phù hợp.

Chị V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Phạm thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Duy M, sinh ngày 05/10/2013, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị V.

1/ Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Trần Văn H.

2/ Về nuôi con chung: Chị V và anh H có 01 con chung là Trần Duy M, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2013.

Giao cháu Trần Duy M cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Chị V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Duy M, sinh ngày 05/10/2013 mỗi tháng là 1.000.000^{đ} (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên.

4/ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^{đ} án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 15150 ngày 10 tháng 10 năm 2022. Chị Phạm Thị V còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Tuấn